

Bản án số:10/2025/HS-ST
Ngày 09-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhân

Ông Phạm Văn Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 240/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Tiến D, sinh ngày 11/11/1994, tại Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 1, xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Phạm Thị B; có 04 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HSST ngày 16/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày 16/9/2021 về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ (chưa được xóa án tích); tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày 21/9/2024 đến ngày 14/10/2024 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Vũ Đức T, sinh ngày 11/11/1979, tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức D và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị T; có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày

21/9/2024 đến ngày 14/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Quang B, sinh ngày 17/7/1981, tại Hải Phòng. Nơi thường trú: Thôn M, xã N, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị Ph; có vợ là Phạm Thị H; có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày 21/9/2024 đến ngày 14/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Lưu Văn V, sinh ngày 25/3/1987, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Ph, xã A, huyện An Dương (nay là tổ dân phố Phú La, phường An Hòa, quận An Dương), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Thế Hùng và bà Phạm Thị T; có vợ là Ngô Thị H; có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày 21/9/2024 đến ngày 14/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Trần Đắc Q, sinh ngày 15/02/1984, tại Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đắc Q và bà Bùi Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H; có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày 21/9/2024 đến ngày 14/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Bùi Văn H, sinh ngày 08/8/1985, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Trịnh Thị M; có vợ là Lê Thị Vân A; có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày 21/9/2024 đến ngày 14/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Lê Văn Kh, sinh ngày 09/9/1978, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đông Hồng, xã V, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Đào Thị V; có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày 21/9/2024 đến ngày 14/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Lục Đức H, sinh ngày 19/12/1982, tại Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn 2, xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Đức S và bà Phạm Thị V; có vợ là Vũ Thị Ng; có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày 21/9/2024 đến ngày

14/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Vũ Duy K, sinh ngày 19/5/1976, tại Tuyên Quang. Nơi cư trú: Tổ dân phố Tr, thị trấn Y, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Ph và bà Hoàng Thị D; có vợ là Đỗ Thị Ng; có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày 21/9/2024 đến ngày 14/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/9/1987, tại Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu T, Thị trấn L, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị Th; có vợ là Hoàng Thị Ch; có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày 21/9/2024 đến ngày 14/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/4/1985, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố số 03, phường Q, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G; có vợ là Vũ Thị H; có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024, tạm giam ngày 21/9/2024 đến ngày 14/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, ngày 06/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 12/9/2024, tại bãi đỗ xe của công ty trách nhiệm hữu hạn M, thuộc thôn 1, xã B, huyện An Dương (nay là tổ dân phố 1 phường Nam Sơn, quận An Dương), Công an huyện An Dương (nay là quận An Dương) kết hợp với Công an xã B (nay là phường Nam Sơn) bắt quả tang Đỗ Tiến D, Vũ Duy K, Lê Văn Kh, Trần Đắc Q đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng; Nguyễn Quang B, Nguyễn Văn T, Bùi Văn H, Lưu Văn V, Vũ Đức T, Lục Đức H, Nguyễn Văn L đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Thu giữ tại chiếu bạc đánh liêng: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu đỏ và số tiền 6.650.000 đồng. Thu giữ tại chiếu bạc đánh xóc đĩa: 04 quân vị hình tròn đường kính khoảng 1,5cm; 01 bát sứ màu trắng đường kính miệng bát khoảng 15cm; 01 đĩa sứ màu trắng đường kính khoảng 17cm và số tiền 26.840.000đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 ngày 12/9/2023, tại phòng nghỉ bằng thùng container trong bãi đỗ xe của công ty M, Đỗ Tiến D, Vũ Duy K, Lê Văn Kh, Trần Đắc Q, Lưu Văn V và Nguyễn Quang B cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng và thống nhất cách

chơi như sau: Mỗi ván bài có 52 quân bài, chia cho mỗi người chơi 03 quân bài và tính tổng số điểm của 03 quân bài đó để lấy điểm là số tại hàng đơn vị so bài với nhau. Người nào nhất sẽ là người cầm cái để chia bài cho mọi người. Điểm số được tính theo tổng của các số trên quân bài từ A-9; các số trên quân bài 10, J, Q, K không được tính điểm. Người chơi có 03 cây liên nhau liên tiếp thì gọi là Liêng. Người chơi có 03 cây giống nhau được gọi là Sáp. Thứ tự tính từ nhỏ đến lớn là điểm số - Liêng - Sáp. Sau khi chia bài, mỗi người chơi bỏ ra 50.000đồng để vào gà. Người chia bài là người tổ, mức thấp nhất là 50.000đồng. Người nào nhận tổ thì sẽ thêm tiền theo mức tổ và có quyền tổ thêm số tiền không hạn chế, còn người nào không nhận tổ thì úp bỏ bài và thua số tiền vào gà. Khi những người chơi tổ qua lại đến lúc không tổ thêm tiền nữa thì bỏ bài ra để so điểm với nhau, kết quả bài của ai lớn nhất sẽ thắng toàn bộ số tiền trong gà.

Khoảng 22 giờ 00 cùng ngày, cũng tại phòng nghỉ nêu trên Nguyễn Văn T, Bùi Văn H, Vũ Đức T, Lục Đức H cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Tiệm dùng kéo cắt quân bài tứ lơ khơ thành 04 quân vị hình tròn đường kính khoảng 1,5cm và lấy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng có sẵn tại phòng nghỉ để làm cái. Nguyễn Quang B và Lưu Văn V đang đánh liêng thấy nhóm của Tiệm đánh xóc đĩa nên tham gia đánh xóc đĩa cùng và thống nhất cách chơi như sau: Người chơi đặt cược vào cửa chắn là 02 quân vị cùng màu hoặc 04 quân vị cùng màu hoặc cửa lẻ là 01 quân vị cùng màu và 03 quân vị cùng màu, số tiền cược tối thiểu là 100.000đồng, không giới hạn tiền cược tối đa. Người chơi đặt trúng cửa thì được lấy số tiền bằng với số tiền bỏ ra đặt cược và ngược lại khi đặt sai cửa thì sẽ mất hết số tiền mình đặt cược. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn L đến và cùng tham gia chơi xóc đĩa. Hai chiều bạc đánh được nhiều ván đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng như trên.

Quá trình đánh bạc: Vũ Đức T sử dụng 3.500.000đồng để đánh bạc, thắng 350.000đồng, bị thu giữ 3.850.000đồng. Nguyễn Văn T sử dụng 1.800.000đồng để đánh bạc, thua 1.600.000đồng, bị thu giữ 200.000đồng. Bùi Văn H sử dụng 2.500.000đồng để đánh bạc, thắng 100.000đồng, bị thu giữ 2.600.000đồng. Lưu Văn V sử dụng 1.900.000đồng để đánh bạc, thắng 5.200.000đồng, bị thu giữ 7.100.000đồng. Nguyễn Văn L sử dụng 2.090.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc, Nguyễn Quang B trả nợ cho Lương 2.000.000đồng, Lương thua 3.600.000đồng, bị thu giữ 490.000đồng. Nguyễn Quang B sử dụng 12.500.000đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc, Bách trả nợ cho Lương 2.000.000đồng, Bách thắng 1.200.000đồng, bị thu giữ 11.700.000 đồng. Lục Đức H sử dụng 1.300.000đồng để đánh bạc, thua 400.000đồng, bị thu giữ 900.000đồng. Vũ Duy K sử dụng 1.100.000đồng để đánh bạc, thua 400.000đồng, bị thu giữ 700.000đồng. Lê Văn Kh sử dụng 900.000đồng để đánh bạc, thắng 150.000đồng, bị thu giữ 1.050.000đồng. Đỗ Tiến D sử dụng 600.000đồng để đánh bạc, thua 150.000đồng, bị thu giữ 450.000đồng. Trần Đắc Q sử dụng 5.000.000đồng để đánh bạc, thua 550.000đồng, bị thu giữ 4.450.000đồng.

Bản Cáo trạng số 260/CT-VKSAD ngày 30/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương (nay là quận An Dương), thành phố Hải Phòng truy tố các bị

cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Vũ Duy K, Đỗ Tiến D, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lê Văn Kh, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận như nội dung cáo trạng đã nêu. Các bị cáo xác định hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật việc truy tố và xét xử là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định việc truy tố các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Vũ Duy K, Đỗ Tiến D, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lê Văn Kh, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ vào tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Tiến D từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 36, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Duy K từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2024 đến ngày 14/10/2024. Không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 36, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn Kh từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2024 đến ngày 14/10/2024. Không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Đắc Q từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Đức T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi tư) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quang B từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30

(ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lưu Văn V từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lục Đức H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng.

Giao bị cáo Vũ Đức T cho Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; bị cáo Nguyễn Quang B cho Ủy ban nhân dân xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; giao bị cáo Lưu Văn V cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương (nay là phường A, quận An Dương), thành phố Hải Phòng, giao bị cáo Trần Đức Q cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; giao bị cáo Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; giao bị cáo Lê Văn Kh cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; giao bị cáo Lục Đức H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; giao bị cáo Vũ Duy K cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu đỏ, 04 quân vị hình tròn đường kính khoảng 1,5cm; 01 bát sứ màu trắng đường kính miệng bát khoảng 15 cm; 01 đĩa sứ màu trắng đường kính khoảng 17cm; tịch thu sung công số tiền 33.490.000đồng.

Về án phí: Các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Vũ Duy K, Đỗ Tiến D, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lê Văn Kh, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội, tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang do cơ quan công an lập vào hồi 23 giờ 15 phút ngày 12/9/2024; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận: Ngày 12/9/2024, tại thôn 1, xã B, huyện An Dương (nay là tổ dân phố 1 phường Nam Sơn, quận An Dương), thành phố Hải Phòng, Đỗ Tiến D, Vũ Duy K, Lê Văn Kh, Trần Đắc Q đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc thu trên chiếu bạc là 6.650.000đồng; Vũ Đức T, Nguyễn Văn T, Bùi Văn H, Lục Đức H, Nguyễn Văn L, Lưu Văn V, Nguyễn Quang B đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc thu trên chiếu bạc là 26.840.000đồng. Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Từ các nhận định trên có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Vũ Duy K, Đỗ Tiến D, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lê Văn Kh, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L đã đồng phạm tội “Đánh bạc”, vi phạm khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương (nay là quận An Dương), thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội trên là có căn cứ.

- Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt:

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến an toàn, trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, đánh bạc là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Do vậy phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Vũ Duy K, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lê Văn Kh, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Tiến D, Vũ Đức T có thời gian tham gia quân đội, gia đình bị cáo Bùi Văn H là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Vũ Duy K, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lê Văn Kh, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Đỗ Tiến D tài liệu hồ sơ xác định bị cáo đã có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HSST ngày 16/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày 16/9/2021 về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, tính đến ngày phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Vụ án có đồng phạm, Hội đồng xét xử xét thấy giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ, các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc không có người khởi xướng nên đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Đối với nhóm đánh bạc bằng hình thức đánh liêng: Bị cáo Quyền là người có số tiền đánh bạc cao nhất nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với nhóm đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa: Các bị cáo đều có thời gian đánh bạc ngang nhau, là người thực hành tích cực bị cáo Bách có số tiền dùng vào đánh bạc cao nhất, sau đó đến bị cáo Tiêm, bị cáo Viễn là người cầm cái, các bị cáo còn lại có số tiền dùng đánh bạc gần ngang nhau. Do vậy, bị cáo Bách phải chịu mức hình phạt cao nhất đến bị cáo Tiêm, bị cáo Viễn, các bị cáo còn lại.

[7] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Vũ Duy K, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lê Văn Kh, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật

Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, để đảm bảo mục đích của hình phạt là răn đe, phòng ngừa tội phạm, đồng thời tạo điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L; áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn Kh, Vũ Duy K cho các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp. Các bị cáo Lê Văn Kh, Vũ Duy K bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2024 đến ngày 14/10/2024, được quy đổi 01 ngày tù bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (33 ngày tù = 99 ngày cải tạo không giam giữ), do bị cáo Lê Văn Kh, Vũ Duy K hiện công việc không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo và không buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Đối với bị cáo Đỗ Tiến D có 01 tiền án tính đến ngày phạm tội lần này chưa được xóa án tích do vậy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam, thời hạn tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành án phạt tù.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội có tính chất vụ lợi, phạt bổ sung các bị cáo Đỗ Tiến D, Lê Văn Kh, Vũ Duy K, mỗi bị cáo 10.000.000đồng; các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Bùi Văn H, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo số tiền 15.000.000đồng; bị cáo Nguyễn Quang B 20.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp và các vấn đề khác:

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra có thu giữ của 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu đỏ, 04 quân vị hình tròn đường kính khoảng 1,5cm; 01 bát sứ màu trắng đường kính miệng bát khoảng 15cm; 01 đĩa sứ màu trắng đường kính khoảng 17cm; số tiền 33.490.000đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương (nay là quận An Dương) đang quản lý. Xét số tiền nêu trên các bị cáo dùng vào việc phạm tội tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ, 04 quân vị; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Trong vụ án này phòng nghỉ trong bãi xe của Công ty M để cho các lái xe nghỉ ngơi, quản lý của công ty không biết các lái xe sử dụng đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[11] Về án phí: Các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Vũ Duy K, Đỗ Tiến D, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lê Văn Kh, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Tiến D phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Tiến D 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2024 đến ngày 14/10/2024. Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Tiến D số tiền 10.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Vũ Duy K, Lê Văn Kh phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt: Bị cáo Vũ Duy K 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2024 đến ngày 14/10/2024 là 33 ngày tù = 99 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ bị cáo phải chấp hành là 11 (mười một) tháng 21(hai mươi một) ngày, thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, không buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Vũ Duy K số tiền 10.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Kh 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2024 đến ngày 14/10/2024 là 33 ngày tù = 99 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ bị cáo phải chấp hành là 11 (mười một) tháng 21(hai mươi một) ngày, thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, không buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn Kh số tiền 10.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Duy K cho Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; giao bị cáo Lê Văn Kh cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp người được hưởng án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

1. Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải

điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự (bị cáo Vũ Đức T, bị cáo Bùi Văn H được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Tuyên bố các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L đồng phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Trần Đắc Q 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của án treo 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 15.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang B 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của án treo 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Quang B số tiền 20.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của án treo 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo Vũ Đức T số tiền 15.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Lưu Văn V 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của án treo 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo Lưu Văn V số tiền 15.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của án treo 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn H số tiền 15.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Lục Đức H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của án treo 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo Lục Đức H số tiền 15.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của án treo 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 15.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của án treo 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 15.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ vào Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đỗ Tiến D. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú của bị cáo không được quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Vũ Duy K, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lê Văn Kh, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L.

Giao bị cáo Vũ Đức T cho Ủy ban nhân dân thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; bị cáo Nguyễn Quang B cho Ủy ban nhân dân xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; giao bị cáo Lưu Văn V cho Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện An Dương (nay là phường An Hòa, quận An Dương), thành phố Hải Phòng, giao bị cáo Trần Đắc Q cho Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; giao bị cáo Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; giao bị cáo Lục Đức H cho Ủy ban nhân dân xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

- Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

- Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục;

trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

- Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

- Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 33.490.000đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu đỏ, 04 quân vị hình tròn đường kính khoảng 1,5cm; 01 bát sứ màu trắng đường kính miệng bát khoảng 15 cm; 01 đĩa sứ màu trắng đường kính khoảng 17cm.

(theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 13/12/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương và Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện An Dương (nay là quận An Dương), giấy nộp tiền ngày 13/12/2024 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 các bị cáo Vũ Đức T, Trần Đắc Q, Vũ Duy K, Đỗ Tiên D, Nguyễn Quang B, Bùi Văn H, Lê Văn Kh, Lục Đức H, Nguyễn Văn T, Lưu Văn V, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận An Dương;
- Cơ quan điều tra Công an quận An Dương;
- Cơ quan thi hành án hình sự quận An Dương;
- Phòng PV06 CATP; Phòng PC 10 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận An Dương;
- Bị cáo.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương